

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ  
MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39 /CBTT-LGM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (Legamex) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)

- Mã chứng khoán: LGM
- Địa chỉ: 15 Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ CM
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.22146121 Fax: 028 3864 1265
- Email: vp.hdqt\_tgd@legamex.vn Website: www.legamex.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/3/2023 tại đường dẫn: <https://legamex.vn/chuyen-muc/quan-he-co-dong/bao-cao/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC năm 2023
- Văn bản giải trình số: 38/CV-LG

**Đại diện tổ chức**

**Người đại diện theo pháp luật**



**Lê Hồng Chiến**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CP GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU  
(LEGAMEX)**



## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	11
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 48

---





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 6663/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005199 đăng ký lần đầu vào ngày 25 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 6 năm 2022 với mã số doanh nghiệp 0300734844 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường sàn Upcom.

Mã chứng khoán : LGM.

Vốn điều lệ : 74.000.000.000 VND.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : số 15 Trường Sơn, phường 15, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : + 84-(28) 22 146 121 - 22 146 087

Fax : + 84-(28) 38 641 265

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Công nghiệp may, công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ da thuộc, giả da, công nghiệp dệt, thêu, đan, xuất nhập khẩu trực tiếp với các sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại, giày dép các loại, sản phẩm thêu, đan, dệt kim;
- Dịch vụ viễn thông, dịch vụ văn phòng, dịch vụ chuyên môn và các thủ tục khác như thủ tục xin visa, quản lý và bảo trì toàn bộ mặt bằng kinh doanh, sản xuất của công ty. Nhận thầu, sửa chữa, xây dựng các công trình bao che công nghiệp, công trình dân dụng và nhà ở, trang trí nội thất, dịch vụ về lắp đặt các thiết bị máy móc. Ca nhạc trong nhà hàng, biểu diễn các bộ sưu tập thời trang may mặc, ăn uống giải khát, quầy rượu;
- Mua bán nguyên vật liệu, phụ tùng, phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ cho thuê văn phòng. Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà.

#### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

##### 4.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Chủ tịch	27/2/2024	
Ông Lê Xuân Khanh	Chủ tịch	29/6/2023	27/2/2024
Ông Phạm Mạnh Bằng	Chủ tịch	12/8/2022	29/6/2023
Ông Lê Hồng Chiến	Thành viên	27/2/2024	
Bà Nguyễn Lê Hồng Ngọc	Thành viên	27/2/2024	
Bà Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên	29/6/2023	27/2/2024
Bà Dư Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	29/6/2023	27/2/2024
Ông Lê Xuân Khanh	Thành viên	16/12/2022	29/6/2023
Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Thành viên	12/8/2022	29/6/2023
Bà Đào Hồng Hạnh	Thành viên	16/12/2022	29/6/2023
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên	16/12/2022	29/6/2023

##### 4.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng ban	12/8/2022	27/02/2024
Bà Tạ Thị Hồng Thắm	Thành viên	29/6/2023	27/02/2024
Ông Lâm Thanh Xuân	Thành viên	12/8/2022	27/02/2024
Ông Nguyễn Ái	Thành viên	12/8/2022	29/6/2023

##### 4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Hồng Chiến	Tổng Giám đốc	01/02/2021	
Ông Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	21/10/2022	
Bà Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	10/07/2019	



## 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Chiến – Tổng Giám đốc Công ty.

## 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 48.

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 về việc miễn nhiệm toàn bộ thành viên HĐQT, BKS và bầu lại toàn bộ các thành viên HĐQT. Đồng thời thông qua mô hình cơ cấu tổ chức quản lý Công ty gồm ĐHĐCĐ, HĐQT (có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT), TGD, không có Ban kiểm soát. Theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 02 năm 2024 thì Hội đồng quản trị bầu Ông Nguyễn Hoàng Vũ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



## 10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024.

T.M. Ban Tổng Giám đốc



**LÊ HỒNG CHIẾN**  
Tổng Giám đốc



Số: 2192/24/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024, từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.11, Công ty không phát sinh chi phí thực hiện dự án ngoài chi phí là tiền thuê đất lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 42.140.627.068 VND. Việc Công ty vốn hóa chi phí trong năm liên quan đến dự án trong thời gian tạm ngừng triển khai là chưa phù hợp với quy định hiện hành. Nếu công ty hạch toán đầy đủ chi phí và điều chỉnh chi phí đúng niên độ các khoản nêu trên sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác (nếu có) trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

- Chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.2 – Nợ tiềm tàng như sau: Theo Biên bản thanh lý Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐ HTKD) ngày 09 tháng 6 năm 2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2017, hai đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Gia Định (GDI) đã góp vốn với số tiền 5.635.596.481 VND vào Dự án Lega Fashion House (sau đây gọi tắt là “Dự án”) và trao quyền thực hiện Dự án, tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty. Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Biên bản họp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho GDI và OGC. Đến thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định nên Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng về nghĩa vụ hoàn trả cho GDI và OGC vào Báo cáo tài chính số tiền là 44.632.481.920 VND.

- Và theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục VIII.8, Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm lỗ với số tiền 62.744.062.684 VND, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 133.317.299.907 VND, vốn chủ sở hữu âm với số tiền 45.709.025.770 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 78.710.790.345 VND. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



**Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN số: 1523-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

**Nguyễn Thị Bích Diễm - Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN số: 4721-2024-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>12.336.926.927</b>	<b>64.157.736.557</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>220.469.455</b>	<b>166.162.584</b>
111	1. Tiền		220.469.455	166.162.584
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.832.706.486</b>	<b>51.917.987.063</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	18.898.742.575	51.251.586.393
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	46.300.000	92.661.162
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	416.111.993	669.625.687
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(14.475.124.589)	(95.886.179)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	946.676.507	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.8	<b>3.575.293.042</b>	<b>10.968.793.164</b>
141	1. Hàng tồn kho		7.465.729.765	14.516.143.079
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.890.436.723)	(3.547.349.915)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.708.457.944</b>	<b>1.104.793.746</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	147.698.733	602.254.464
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.439.176.638	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	121.582.573	502.539.282
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>53.374.981.061</b>	<b>47.049.551.433</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>50.122.000</b>	<b>45.122.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	50.122.000	45.122.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.003.467.524</b>	<b>2.135.359.373</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	1.003.467.524	2.135.359.373
222	- Nguyên giá		85.139.235.508	85.957.253.244
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(84.135.767.984)	(83.821.893.871)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>42.140.627.068</b>	<b>30.484.620.508</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	42.140.627.068	30.484.620.508
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.2	<b>9.600.000.000</b>	<b>11.280.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.600.000.000	11.280.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>580.764.469</b>	<b>3.104.449.552</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	126.945.471	179.030.284
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.12	453.818.998	2.925.419.268
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>65.711.907.988</b>	<b>111.207.287.990</b>



Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX)

Địa chỉ: 15 Trường Sơn, phường 5, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>111.420.933.758</b>	<b>94.172.251.076</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>91.047.717.272</b>	<b>74.207.767.577</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	352.182.205	1.600.026.136
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	160.317.130
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	50.356.013.328	38.396.208.843
314	4. Phải trả người lao động	V.15	5.079.015.709	7.069.130.205
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	4.578.619.824	16.630.143.757
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	12.007.952.619	7.168.507.919
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	18.500.000.000	3.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	173.933.587	183.433.587
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>20.373.216.486</b>	<b>19.964.483.499</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.17b	77.000.000	77.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	V.20	20.296.216.486	19.887.483.499
400	<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(45.709.025.770)</b>	<b>17.035.036.914</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.21	<b>(45.709.025.770)</b>	<b>17.035.036.914</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		74.000.000.000	74.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		74.000.000.000	74.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		4.003.156.282	4.003.156.282
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.605.117.855	9.605.117.855
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(133.317.299.907)	(70.573.237.223)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(70.573.237.223)	(57.828.963.251)
421a			(70.573.237.223)	(57.828.963.251)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(62.744.062.684)	(12.744.273.972)
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>65.711.907.988</b>	<b>111.207.287.990</b>

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN TRÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Tổng Giám đốc



LÊ HỒNG CHIẾN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

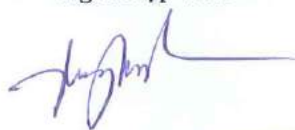
### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	31.046.720.526	128.778.857.301
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		11.357.250	39.471.226
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.035.363.276	128.739.386.075
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	56.323.304.932	121.507.066.338
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(25.287.941.656)	7.232.319.737
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.789.572.809	1.753.038.760
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	709.157.870	285.623.855
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		633.013.697	279.658.878
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	905.822.289	1.386.263.670
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	29.780.258.356	14.844.864.742
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(53.893.607.362)	(7.531.393.770)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	974.144.884	189.316.741
32	12. Chi phí khác	VI.8	7.252.986.146	5.052.552.283
40	13. Lợi nhuận khác		(6.278.841.262)	(4.863.235.542)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(60.172.448.624)	(12.394.629.312)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.9	100.013.790	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.10	2.471.600.270	349.644.660
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(62.744.062.684)	(12.744.273.972)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.11	(8.479)	(1.722)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.11	(8.479)	(1.722)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LAN TRÀ

Tổng Giám đốc



LÊ HỒNG CHIẾN



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(60.172.448.624)	(12.394.629.312)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		13.932.156.127	(439.590.281)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.13	1.129.326.688	1.927.229.050
03	- Các khoản dự phòng	V.8	15.131.058.205	(712.000.978)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		21.289	2.502.270
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3-VI.7	(2.961.263.752)	(1.936.979.501)
06	- Chi phí lãi vay		633.013.697	279.658.878
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(46.240.292.497)	(12.834.219.593)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		29.642.822.238	22.874.377.829
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.8	7.050.413.314	(4.835.528.459)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(10.866.845.299)	(9.202.001.856)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.9a-V.9b	506.640.544	39.547.998
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(271.493.150)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	-	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	(9.500.000)	(11.100.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.916.761.700)	(4.240.417.231)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(149.540.000)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.7	328.141.909	183.940.741
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.680.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	2.633.121.843	1.753.038.760
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.491.723.752	1.936.979.501
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	15.500.000.000	12.240.507.603
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	-	(13.500.687.122)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17a	(20.550.000)	(32.790.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		15.479.450.000	(1.292.969.519)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		54.412.052	(3.596.407.249)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		166.162.584	3.762.810.242
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(105.181)	(240.409)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	220.469.455	166.162.584

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN TRÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Tổng Giám đốc



LÊ HỒNG CHIẾN



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX).

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Sản xuất - Thương mại – Dịch vụ.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Công nghiệp may, công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ da thuộc, giả da, công nghiệp dệt, thêu, đan, xuất nhập khẩu trực tiếp với các sản phẩm chính là quần áo may sẵn các loại, giày dép các loại, sản phẩm thêu, đan, dệt kim;
- Dịch vụ viễn thông, dịch vụ văn phòng, dịch vụ chuyên môn và các thủ tục khác như thủ tục xin visa, quản lý và bảo trì toàn bộ mặt bằng kinh doanh, sản xuất của công ty. Nhận thầu, sửa chữa, xây dựng các công trình bao che công nghiệp, công trình dân dụng và nhà ở, trang trí nội thất, dịch vụ về lắp đặt các thiết bị máy móc. Ca nhạc trong nhà hàng, biểu diễn các bộ sưu tập thời trang may mặc, ăn uống giải khát, quầy rượu;
- Mua bán nguyên vật liệu, phụ tùng, phục vụ sản xuất và hàng tiêu dùng. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Dịch vụ cho thuê mặt bằng, dịch vụ cho thuê văn phòng. Đầu tư xây dựng kinh doanh nhà.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Các đặc điểm hoạt động của Công ty có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính trong năm như sau:

- Công ty phát sinh doanh thu tài chính từ chuyển nhượng vốn đầu tư tài chính với số tiền 2.632.000.000 VND.
- Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động kinh doanh giảm là do bị cắt giảm đơn hàng, thu hẹp thị trường kinh doanh và Công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 14.379.238.410 VND, cũng như Công ty phát sinh chi phí lãi chậm nộp tiền thuê đất.

Điều này dẫn đến hoạt động kinh doanh trong năm lỗ tăng gấp 5 lần năm trước.



## 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 270 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 433 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.



## 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 3. Các khoản đầu tư tài chính

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi khi:



- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.



### **Bảo hiểm sức khỏe**

Bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền Bảo hiểm đã trả. Tiền Bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

### **Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

### **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07 năm

## **8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài



liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm

#### 11. Quỹ lương

Quỹ lương được trích theo quy định của Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

#### 12. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo luật lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của 06 tháng gần nhất tính đến trước ngày lập Báo cáo tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



#### **Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Công ty được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### **Doanh thu bán thành phẩm là các sản phẩm quần áo thời trang,..**

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu gia công chủ yếu là hàng quần áo,..**

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### **Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



## 15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

## 16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

## 17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

## 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## 19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

## 20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - + Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.



- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

## 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
  - Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



## 22. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

## 24. Số liệu so sánh

Công ty trình bày lại chi phí không được trừ của năm trước theo tờ khai quyết toán TNDN thay đổi lần 1, do tăng chi phí lương không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, dẫn đến giảm thu nhập chịu thuế. Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
	1	2	3	4=3-2
	Tài sản	-	-	-
	Nguồn vốn	-	-	-
	<b>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</b>			
	Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.221.455.155	5.337.049.456	3.115.594.301
	<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>5.600.999.667</i>	<i>8.716.593.968</i>	<i>3.115.594.301</i>
	Chi phí không được trừ	1.199.095.239	4.314.689.540	3.115.594.301
	Thu nhập chịu thuế	(10.173.174.157)	(7.057.579.856)	(3.115.594.301)



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	119.826.860	28.719.093
1.2	Tiền gửi ngân hàng	100.642.595	137.443.491
1.3	Các khoản tương đương tiền	-	-
	<b>Cộng</b>	<b>220.469.455</b>	<b>166.162.584</b>

Tại ngày kết thúc năm, Công ty không có tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa đảm bảo khoản vay.

### 2. Đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>9.600.000.000</b>	<b>9.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.280.000.000</b>	<b>11.280.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Việt Nam	-	-	-	1.680.000.000	1.680.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định <sup>(1)</sup>	9.600.000.000	9.600.000.000	-	9.600.000.000	9.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.600.000.000</b>	<b>9.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.280.000.000</b>	<b>11.280.000.000</b>	<b>-</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản đầu tư số lượng 800.000 cổ phiếu. Theo Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

<sup>(\*)</sup> Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Công ty không phát sinh Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty không có Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Công ty không có các cam kết vốn trong tương lai.

### 3. Phải thu của khách hàng của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>16.262.418.317</b>	<b>36.562.418.317</b>
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	16.262.418.317	36.562.418.317
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>2.636.324.258</b>	<b>14.689.168.076</b>
Công ty TNHH Thời trang Xuất khẩu Gia Bảo	1.015.542.080	182.919.600
Các khách hàng khác	1.620.782.178	14.506.248.476
<b>Cộng</b>	<b>18.898.742.575</b>	<b>51.251.586.393</b>

Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được sử dụng để thế chấp, cầm cố, bảo lãnh.

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trả trước các khách hàng khác</b>	<b>46.300.000</b>	<b>92.661.162</b>
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt	25.000.000	41.250.000
Công ty TNHH Sóng Vàng	18.000.000	18.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.300.000	33.411.162
<b>Cộng</b>	<b>46.300.000</b>	<b>92.661.162</b>

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>137.387.526</b>		<b>109.536.200</b>	
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	137.387.526		109.536.200	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>278.724.467</b>	<b>-</b>	<b>560.089.487</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	4.100.000	-	4.100.000	-
Tạm ứng	64.300.703	-	217.340.000	-
Phải thu BHXH khoản trả thay	210.323.764	-	61.115.764	-
Phải thu khác	-	-	277.533.723	-
<b>Cộng</b>	<b>416.111.993</b>	<b>-</b>	<b>669.625.687</b>	<b>-</b>

Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.



**5b Phải thu dài hạn khác**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>50.122.000</b>	-	<b>45.122.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ	50.122.000	-	45.122.000	-
<b>Cộng</b>	<b>50.122.000</b>	-	<b>45.122.000</b>	-

Công ty không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

**6. Nợ xấu**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
<b>Các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>16.475.124.589</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>95.886.179</b>	-
Quá hạn từ 02- dưới 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	16.475.124.589	2.000.000.000	95.886.179	-
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định</i>	16.262.418.317	2.000.000.000	-	-
<i>Đối tượng khác</i>	212.706.272	-	95.886.179	-
<b>Cộng</b>	<b>16.475.124.589</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>95.886.179</b>	-

(\*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chi tiết	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(95.886.179)	(-)	(95.886.179)
Trích lập dự phòng bổ sung	(18.679.238.410)	-	(18.679.238.410)
Hoàn nhập dự phòng	4.300.000.000	-	4.300.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>(14.475.124.589)</b>	<b>(-)</b>	<b>(14.475.124.589)</b>

**7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

<i>Chi tiết</i>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hàng tồn kho	946.676.507	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>946.676.507</b>	<b>-</b>

**8. Hàng tồn kho**

<i>Chi tiết</i>	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	352.804.929	(77.067.795)	516.446.142	(159.773.235)
Công cụ, dụng cụ	341.764.801	(325.212.602)	338.973.792	(325.212.602)
Chi phí SXKD dở dang	-	-	676.292.870	-
Thành phẩm	6.665.456.035	(3.488.156.326)	12.817.995.510	(3.050.209.234)
Hàng hóa	105.704.000	-	166.434.170	(12.154.844)
Hàng gửi đi bán	-	-	595	-
<b>Cộng</b>	<b>7.465.729.765</b>	<b>(3.890.436.723)</b>	<b>14.516.143.079</b>	<b>(3.547.349.915)</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ như sau:

<i>Chi tiết</i>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	77.067.795	159.773.235
Công cụ, dụng cụ	325.212.602	325.212.602
Thành phẩm	3.488.156.326	3.050.209.234
Hàng hóa	-	12.154.844
<b>Cộng</b>	<b>3.890.436.723</b>	<b>3.547.349.915</b>

Công ty không có nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa,... tồn kho được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay và nợ.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

<i>Chi tiết</i>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	(3.547.349.915)	(4.255.350.893)
Trích lập dự phòng	(4.533.981.898)	(981.543.534)
Hoàn nhập dự phòng	4.190.895.090	1.689.544.512
<b>Số cuối năm</b>	<b>(3.890.436.723)</b>	<b>(3.547.349.915)</b>



**9. Chi phí trả trước**

**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

<i>Chi tiết</i>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	9.499.997	100.046.067
Sửa chữa, cải tạo	55.604.426	444.845.528
Bảo hiểm tài sản	82.594.310	57.362.869
<b>Cộng</b>	<b>147.698.733</b>	<b>602.254.464</b>

*Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:*

<i>Chi tiết</i>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	602.254.465	231.160.331
Tăng trong năm	555.015.882	11.632.083.734
Phân bổ trong năm	(1.009.571.614)	(11.260.989.601)
<b>Số cuối năm</b>	<b>147.698.733</b>	<b>602.254.464</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

<i>Chi tiết</i>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí công cụ dụng cụ	124.465.471	150.704.236
Chi phí khác	2.480.000	28.326.048
<b>Cộng</b>	<b>126.945.471</b>	<b>179.030.284</b>

*Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:*

<i>Chi tiết</i>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	179.030.284	589.672.416
Tăng trong năm	149.540.000	75.508.000
Phân bổ trong năm	(201.624.813)	(486.150.132)
<b>Số cuối năm</b>	<b>126.945.471</b>	<b>179.030.284</b>

Công ty không có chi phí trả trước được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay, nợ.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	57.470.824.457	23.707.700.233	1.984.546.418	2.794.182.136	85.957.253.244
2. Tăng trong năm	-	149.540.000	-	-	149.540.000
<i>Mua sắm trong năm</i>	-	149.540.000	-	-	149.540.000
3. Giảm trong năm	(358.209.834)	(609.347.902)	-	-	(967.557.736)
<i>Do thanh lý</i>	(358.209.834)	(609.347.902)	-	-	(967.557.736)
4. Số cuối năm	57.112.614.623	23.247.892.331	1.984.546.418	2.794.182.136	85.139.235.508
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	53.803.661.043	19.376.904.823	1.587.546.418	2.794.182.136	77.562.294.420
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số đầu năm	56.744.223.711	22.526.716.161	1.768.469.525	2.782.484.474	83.821.893.871
2. Tăng trong năm	197.324.590	797.430.047	122.874.389	11.697.662	1.129.326.688
<i>Khấu hao trong năm</i>	197.324.590	797.430.047	122.874.389	11.697.662	1.129.326.688
3. Giảm trong năm	(358.209.834)	(457.242.741)	-	-	(815.452.575)
<i>Do thanh lý</i>	(358.209.834)	(457.242.741)	-	-	(815.452.575)
4. Số cuối năm	56.583.338.467	22.866.903.467	1.891.343.914	2.794.182.136	84.135.767.984
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	726.600.746	1.180.984.072	216.076.893	11.697.662	2.135.359.373
2. Tại ngày cuối năm	529.276.156	990.336.766	93.202.504	-	1.003.467.524
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

*Trong đó:*

- Công ty không có Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay.
- Công ty ký hợp đồng mua bán xe ô tô số 2402028/HĐMB ngày 22/02/2024 với giá trị 732.000.000 VND.



### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản	30.484.620.508	11.656.006.560	-	42.140.627.068
Dự án Lega Fashion House (*)	30.484.620.508	11.656.006.560	-	42.140.627.068
<b>Cộng</b>	<b>30.484.620.508</b>	<b>11.656.006.560</b>	<b>-</b>	<b>42.140.627.068</b>

(\*) Chủ yếu là tiền thuê đất tại số 106 đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, TP.HCM.

Trong đó:

- Công ty không có chi phí xây dựng dở dang dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.
- Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí XD cơ bản dở dang trong năm với số tiền 0 VND.

### 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.925.419.268	(2.471.600.270)	-	453.818.998
<b>Cộng</b>	<b>2.925.419.268</b>	<b>(2.471.600.270)</b>	<b>-</b>	<b>453.818.998</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu liên quan chủ yếu phát sinh từ dự phòng trợ cấp thôi việc và dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>228.188.449</b>
Công ty cổ phần Dệt May Gia Định	-	228.188.449
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>352.182.205</b>	<b>1.371.837.687</b>
Công ty TNHH MTV Bao bì Phước Hiệp Thành	123.713.648	178.713.648
Công ty TNHH TV Thiết kế XD TM Hưng Việt	63.128.160	285.900.770
Công ty TNHH TM DV XK QT Mỹ Việt	44.498.643	44.498.643
Các nhà cung cấp khác	120.841.754	862.724.626
<b>Cộng</b>	<b>352.182.205</b>	<b>1.600.026.136</b>



Công ty không phát sinh nợ quá hạn chưa thanh toán.

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	280.942.919	-	1.330.652.752	(1.000.232.626)	-	49.477.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	221.596.363	-	100.013.790	-	121.582.573	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	20.959.805	160.615.955	(162.116.985)	-	19.458.775
Tiền thuê đất	-	35.803.789.570	25.131.941.919	(17.994.397.341)	-	42.941.334.148
Tiền lãi chậm nộp tiền thuê đất	-	2.571.459.468	4.538.475.765	-	-	7.109.935.233
Các loại thuế khác	-	-	248.474.125	(12.666.160)	-	235.807.965
<b>Cộng</b>	<b>502.539.282</b>	<b>38.396.208.843</b>	<b>31.510.174.306</b>	<b>(19.169.413.112)</b>	<b>121.582.573</b>	<b>50.356.013.328</b>

##### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 8%, 10%.

##### *Thuế Thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

##### *Tiền thuê đất*

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo diện tích trong hợp đồng thuê đất và đơn giá theo quy định của Nhà nước theo từng năm hiện hành.

##### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 15. Phải trả người lao động

##### *Chi tiết*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	5.079.015.709	7.069.130.205
Tiền thưởng phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.079.015.709</b>	<b>7.069.130.205</b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>4.201.314.577</b>	<b>15.725.405.081</b>
Công ty CP Dệt May Gia Định (*)	4.201.314.577	15.725.405.081
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>377.305.247</b>	<b>904.738.676</b>
Chi phí lãi vay	92.876.712	24.986.301
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	284.428.535	879.752.375
<b>Cộng</b>	<b>4.578.619.824</b>	<b>16.630.143.757</b>

(\*) Là chi phí phải trả tiền gia công hàng thời trang.

**17. Phải trả khác**

**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>493.338.536</b>	<b>357.617.025</b>
Thù lao HĐQT	378.338.536	265.217.025
Thù lao BKS	115.000.000	92.400.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>11.514.614.083</b>	<b>6.810.890.894</b>
Kinh phí công đoàn	1.431.115.016	1.074.376.316
Bảo hiểm xã hội	6.232.824.042	3.363.045.493
Bảo hiểm y tế	114.911.775	92.537.280
Bảo hiểm thất nghiệp	312.577.220	302.801.020
Lãi chậm nộp BHXH	914.229.828	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	558.000.000	558.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.178.819.000	1.199.369.000
Lãi vay cá nhân	540.136.985	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	232.000.217	220.761.785
<b>Cộng</b>	<b>12.007.952.619</b>	<b>7.168.507.919</b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>77.000.000</b>	<b>77.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	77.000.000	77.000.000
<b>Cộng</b>	<b>77.000.000</b>	<b>77.000.000</b>



**Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Ngoài các công nợ phải trả bên liên quan và các khoản ký quỹ, các công nợ còn lại đều quá hạn thanh toán.

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.500.000.000	18.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Vay ngắn hạn của cá nhân	18.500.000.000	18.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Vũ <sup>(1)</sup>	12.500.000.000	12.500.000.000	-	-
Ông Đinh Văn Chiến <sup>(2)</sup>	6.000.000.000	6.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>

<sup>(1)</sup> Khoản vay theo hợp đồng số 02-2023/HĐCV ngày 23 tháng 10 năm 2023 giữa công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (LEGAMEX) và Ông Nguyễn Hoàng Vũ. Và Phụ lục số 01/PLHĐCV ngày 23 tháng 12 năm 2023.

- Số tiền vay : 3.500.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trả lương cho người lao động, công nợ đối tác gia công lại và các nhà cung cấp);
- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng;
- Lãi suất cho vay: 10%/ năm;
- Thời hạn cho vay: Từ ngày 24 tháng 12 năm 2023 ngày 24 tháng 2 năm 2024;
- Phụ lục hợp đồng số 02/02-2023/PLHĐCV ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc chuyển giao khoản vay của ông Nguyễn Hoàng Vũ sang cho bà Nguyễn Ngọc Minh Thư;
- Phụ lục hợp đồng số 03/02-2023/PLHĐCV ngày 24 tháng 02 năm 2024 về gia hạn thời gian cho vay từ ngày 24 tháng 02 năm 2024 đến 24 tháng 4 năm 2024;
- Vay tín chấp.

Khoản vay theo hợp đồng số 03-2023/HĐCV ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (LEGAMEX) và Ông Nguyễn Hoàng Vũ và Phụ lục số 01/PLHĐCV ngày 15 tháng 01 năm 2024.

- Số tiền vay : 4.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trả lương cho người lao động, công nợ đối tác gia công lại và các nhà cung cấp);
- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng;
- Lãi suất cho vay: 10%/ năm;



Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX)

Địa chỉ: 15 Trường Sơn, phường 15, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thời hạn cho vay: Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 15 tháng 1 năm 2024 và gia hạn từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 đến ngày 15 tháng 03 năm 2024;

- Vay tín chấp.

Và khoản vay theo hợp đồng số 04-2023/HĐCV ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (LEGAMEX) và Ông Nguyễn Hoàng Vũ. Phụ lục số 01/PLHĐCV ngày 15 tháng 01 năm 2024.

- Số tiền vay : 5.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trả nợ tiền thuê đất);

- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng;;

- Lãi suất cho vay: 8%/ năm

- Thời hạn cho vay: Từ ngày 25 tháng 12 năm 2023 đến ngày 25 tháng 02 năm 2024;

- Phụ lục số 01/04-2023/PLHĐCV ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc chuyển đổi tượng cho vay từ ông Nguyễn Hoàng Vũ sang bà Nguyễn Ngọc Minh Thu;

- Phụ lục số 02/04-2023/PLHĐCV ngày 24 tháng 02 năm 2024 về việc gia hạn thời gian cho vay: từ ngày 27 tháng 02 năm 2024 đến 27 tháng 04 năm 2024;

- Vay tín chấp.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 23/02/2024 Ông Nguyễn Hoàng Vũ đã chuyển khoản vay trên cho Bà Nguyễn Ngọc Minh Thu. Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024, Ông Nguyễn Hoàng Vũ được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

(2) Khoản vay theo hợp đồng số 01-2022/HĐCV ngày 24 tháng 11 năm 2022 giữa công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (LEGAMEX) và Ông Đinh Văn Chiến. Phụ lục số 09/PLHĐCV ngày 23 tháng 02 năm 2024.

- Số tiền vay: 3.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trả lương cho người lao động, công nợ đối tác gia công lại và các nhà cung cấp);;

- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng;

- Lãi suất cho vay: 8%/ năm;

- Thời hạn cho vay: Từ ngày 27 tháng 12 năm 2023 đến ngày 27 tháng 2 năm 2024 và gia hạn từ ngày 27 tháng 02 năm 2024 đến ngày 27 tháng 04 năm 2024;

- Vay tín chấp.

Và khoản vay theo hợp đồng số 01-2023/HĐCV ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (LEGAMEX) và Ông Đinh Văn Chiến. Phụ lục số 05/PLHĐCV ngày 29 tháng 1 năm 2024.

- Số tiền vay : 3.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (trả lương cho người lao động, công nợ đối tác gia công lại và các nhà cung cấp);

- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức tín dụng;

- Lãi suất cho vay: 10%/ năm;

- Thời hạn cho vay: Từ ngày 30/11/2023 đến ngày 30/01/2024 và gia hạn từ ngày 31 ngày 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2024;



- Vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn của cá nhân	3.000.000.000	15.500.000.000	-	18.500.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	-	12.500.000.000	-	12.500.000.000
Ông Đinh Văn Chiến	3.000.000.000	3.000.000.000	-	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>15.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>18.500.000.000</b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	17.161.794	-	-	17.161.794
Quỹ phúc lợi	166.271.793	-	(9.500.000)	156.771.793
Quỹ thưởng BĐH	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>183.433.587</b>	<b>-</b>	<b>(9.500.000)</b>	<b>173.933.587</b>

#### 20. Dự phòng phải trả dài hạn

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số cuối năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.562.291.337	5.312.083	(932.288.834)	1.635.314.586
Dự phòng cho dự án Lega Fashion House (*)	17.325.192.162	1.335.709.738	-	18.660.901.900
<b>Cộng</b>	<b>19.887.483.499</b>	<b>1.341.021.821</b>	<b>(932.288.834)</b>	<b>20.296.216.486</b>

(\*) Theo đề nghị của Công ty tại Văn bản số 106/2014/LG-DA ngày 18 tháng 6 năm 2014 về miễn tiền thuê đất đối với khu đất tại địa chỉ số 106 đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh (Dự án Lega Fashion House). Theo thông báo Tạm miễn tiền thuê đất số 13698/TB-CK-KTTĐ ngày 20 tháng 12 năm 2014 của Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh cho lô đất nói trên, Công ty được tạm miễn tiền thuê đất trong giai đoạn xây dựng cơ bản từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017 với điều kiện sau khi công trình được hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng. Công ty phải xuất trình đầy đủ giấy tờ để Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh có căn cứ để ban hành quyết định miễn tiền thuê đất.

Tuy nhiên, trong giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017, Công ty chưa thực hiện các hoạt động xây dựng cơ bản liên quan đến Dự án Lega Fashion House. Ngoài ra, tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nộp tiền thuê đất cho giai đoạn miễn giảm nêu trên.



Do đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tiền thuê đất cho Dự án trên giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2017 với số tiền 12.198.262.453 VND, và tiền chậm nộp tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 số tiền 1.119.800.493 VND, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 với số tiền 1.335.709.739 VND, từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 với số tiền 1.335.709.739 VND. Tổng số tiền đã lập dự phòng đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 15.989.482.424 VND. Công ty được miễn tiền chậm nộp phát sinh trong năm 2020 và năm 2021 của các khoản nợ tiền thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức (bao gồm cả đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh) phát sinh lỗi trong kỳ tính thuế năm 2020 theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 nên Công ty không trích lãi chậm nộp cho 2 năm trên. Tiền lãi chậm nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền 1.335.709.738 VND. Tiền lãi chậm nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 1.335.709.738 VND.

## 21. Vốn chủ sở hữu

### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(57.828.963.251)	29.779.310.886
Tăng trong năm trước	-	-	-	(12.744.273.972)	(12.744.273.972)
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(70.573.237.223)	17.035.036.914
Tăng trong năm	-	-	-	(62.744.062.684)	(62.744.062.684)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	74.000.000.000	4.003.156.282	9.605.117.855	(133.317.299.907)	(45.709.025.770)

### 21b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định	18,07%	13.370.000.000	37.740.000.000
Dư Nguyễn Khánh Linh	22,77%	16.850.340.000	-
Đỗ Văn Huy	22,41%	16.584.000.000	-
Nguyễn Hoàng Vi	9,25%	6.842.000.000	-
Các cổ đông khác	27,50%	20.353.660.000	36.260.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>74.000.000.000</b>	<b>74.000.000.000</b>



**21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	74.000.000.000	74.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối năm</i>	74.000.000.000	74.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**21d. Cổ phiếu**

<i>Chi tiết</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.400.000	7.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.400.000	7.400.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**21e. Cổ tức**

Trong năm, Công ty không chia cổ tức.

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc năm tài chính		
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

**21f. Các quỹ của doanh nghiệp**

*Quỹ đầu tư phát triển*

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.
- Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển phải theo chính sách tài chính hiện hành đối với từng loại doanh nghiệp hoặc quyết định của chủ sở hữu.

**21g. Phân phối lợi nhuận**

Số dư đầu năm	(70.573.237.223)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(62.744.062.684)
Phân phối trong năm:	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>(133.317.299.907)</b>

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	1.020,77	24.580.142	544,24	12.860.338
Euro (EUR)	86,65	2.284.973	97,4	2.407.578
Francs Bỉ (BEF)	1.200	441.116	1.200	441.116

Nguyên vật liệu nhận giữ hộ là các loại túi chưa vỏ nhựa và các loại phụ liệu đi kèm như băng dính, nhãn may, bao PE,...



## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	143.742.360	126.588.921
Doanh thu bán thành phẩm	28.175.404.337	125.803.753.513
Doanh thu cho thuê tài sản	1.898.661.816	2.544.524.675
Doanh thu khác	828.912.013	303.990.192
<b>Cộng</b>	<b>31.046.720.526</b>	<b>128.778.857.301</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định – Công ty mẹ	-	29.218.291
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>29.218.291</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	314.645.063	107.223.907
Giá vốn của thành phẩm đã bán	55.405.113.702	121.702.416.582
Giá vốn cho thuê tài sản	-	229.983.424
Giá vốn khác	260.459.359	175.443.403
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	343.086.808	(708.000.978)
<b>Cộng</b>	<b>56.323.304.932</b>	<b>121.507.066.338</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.690.000.000
Lãi tiền gửi	1.121.843	63.038.760
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	156.450.966	-
Lãi từ thoái vốn khoản đầu tư tài chính	2.632.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.789.572.809</b>	<b>1.753.038.760</b>

### 4. Chi phí hoạt động tài chính

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	633.013.697	279.658.878
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.450.671	2.435.972
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	21.289	2.502.270
Chi phí khác	54.672.213	1.026.735
<b>Cộng</b>	<b>709.157.870</b>	<b>285.623.855</b>

### 5. Chi phí bán hàng

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	868.537.984
Chi phí vật liệu, bao bì	3.820.000	5.938.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	3.516.483
Chi phí mua ngoài	29.900.000	58.455.918
Chi phí khác bằng tiền	872.102.289	449.815.285
<b>Cộng</b>	<b>905.822.289</b>	<b>1.386.263.670</b>



**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	6.563.223.977	8.092.984.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	27.026.412	45.784.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	154.845.449	342.327.434
Thuế, phí, lệ phí	103.493.669	90.117.073
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	14.379.238.410	(4.000.000)
Chi phí mua ngoài	345.382.899	711.643.928
Chi phí khác bằng tiền	8.207.047.540	5.566.007.831
<b>Cộng</b>	<b>29.780.258.356</b>	<b>14.844.864.742</b>

**7. Thu nhập khác**

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản cố định	328.141.909	183.940.741
Thu tiền bồi thường	518.000.575	-
Thu nhập khác	128.002.400	5.376.000
<b>Cộng</b>	<b>974.144.884</b>	<b>189.316.741</b>

**8. Chi phí khác**

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí chậm nộp tiền thuê đất	5.874.185.503	3.907.169.206
Phạt chậm nộp	306.288.592	151.201.715
Tiền chậm nộp BHXH	915.447.359	-
Chi phí khác	157.064.692	994.181.362
<b>Cộng</b>	<b>7.252.986.146</b>	<b>5.052.552.283</b>

## 9. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(60.172.448.624)</b>	<b>(12.394.629.312)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được trừ	5.766.036.611	5.337.049.456
Chi phí lãi chậm nộp tiền thuê đất	8.632.853.693	8.716.593.968
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	1.802.676.489	4.314.689.540
Chi phí lãi vay theo NĐ 132/2020/NĐ-CP	5.984.241.673	3.907.169.206
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của tài khoản 112, 131	207.588.462	212.574.074
Dự phòng trợ cấp thôi việc	633.013.697	279.658.878
	21.289	2.502.270
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	5.312.083	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.866.817.082)	(3.379.544.512)
Hoàn nhập dự phòng HTK	-	(1.690.000.000)
Hoàn nhập trợ cấp thôi việc	(1.932.025.978)	(1.689.544.512)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đã thực hiện năm nay	(932.288.834)	-
	(2.502.270)	-
Thu nhập chịu thuế	(54.406.412.013)	(7.057.579.856)
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế TNDN bị truy thu (*)	100.013.790	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>100.013.790</b>	<b>-</b>

(\*) Là khoản truy thu thuế TNDN, thời kỳ kiểm tra 2017-2018 theo Quyết định số 636/QĐ-CT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.



**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(523.467)	(31.948.692)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.472.123.737	381.593.352
<b>Cộng</b>	<b>2.471.600.270</b>	<b>349.644.660</b>

**11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

**11a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(62.744.062.684)	(12.744.273.972)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(-)	(-)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(62.744.062.684)	(12.744.273.972)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.400.000	7.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(8.479)</b>	<b>(1.722)</b>

*Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:*

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.400.000	7.400.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
...	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.400.000</b>	<b>7.400.000</b>

**11b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

<i>Chi tiết</i>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(62.744.062.684)	(12.744.273.972)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(62.744.062.684)	(12.744.273.972)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.400.000	7.400.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(8.479)</b>	<b>(1.722)</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

<i>Chi tiết</i>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.400.000	7.400.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
- ...	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>7.400.000</b>	<b>7.400.000</b>

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

<i>Chi tiết</i>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.971.503.353	4.329.947.715
Chi phí nhân công	32.285.735.091	57.944.763.230
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.129.326.688	1.927.229.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.416.918.727	65.803.758.283
Chi phí khác	18.885.408.921	15.618.627.552
<b>Cộng</b>	<b>65.688.892.780</b>	<b>145.624.325.830</b>



## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

### 2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

### 3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

### 4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.18)

## VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT : VND)

### 1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 2. Nợ tiềm tàng

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) số 004/2010/HTKD-LEGAMEX-GDI-DGC-OCEANBANK ký ngày 17 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định (GDI) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) cho Dự án Lega Fashion House (Dự án), theo đó Công ty góp vốn bằng Quyền sử dụng đất, GDI và OGC góp vốn bằng tiền.

Theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐ HTKD) ngày 09 tháng 6 năm 2015 và phụ lục số 01 của Biên bản này ngày 11 tháng 5 năm 2017, hai đối tác của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (OGC) đã góp vốn với số tiền là 38.996.885.439 VND và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Gia Định (GDI) đã góp vốn với số tiền 5.635.596.481 VND vào Dự án Lega Fashion House (sau đây gọi tắt là "Dự án") và trao quyền thực hiện Dự án, tìm kiếm đối tác mới thực hiện Dự án cho Công ty.

Theo Phụ lục số 01 nói trên và biên bản làm việc ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Biên bản hợp số 12/BB-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, GDI và OGC, khi Công ty ký hợp đồng hợp tác và nhận tiền góp vốn của đối tác mới thì Công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho GDI và OGC.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa tìm được đối tác mới thay thế OGC và GDI, cũng như đánh giá khả năng tìm kiếm đối tác mới phù hợp chưa được xác định nên Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng về nghĩa vụ hoàn trả cho GDI và OGC vào Báo cáo tài chính số tiền là 44.632.481.920 VND.



### 3. Tài sản cho thuê hoạt động

Trong năm, Công ty không có tài sản cho thuê hoạt động.

### 4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 4a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Cam kết bảo lãnh*

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,.... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (\*)*

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.125.690.040	1.113.085.874
Thù lao	243.357.692	302.233.333
Tiền thưởng	-	-
<b>Cộng</b>	<u><b>1.369.047.732</b></u>	<u><b>1.415.319.207</b></u>

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.



*Công ty Cổ phần Giày da và May mặc Xuất khẩu (LEGAMEX)*

*Địa chỉ: 15 Trường Sơn, phường 15, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023*

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*

Chi tiết	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cộng
<b>Năm nay</b>					
<i>Hội đồng quản trị</i>		404.179.925	153.357.692	-	557.537.617
Phạm Mạnh Bằng	Chủ tịch HĐQT	-	21.915.385	-	21.915.385
Lê Xuân Khanh	Chủ tịch HĐQT	102.052.616	40.173.077	-	142.225.693
Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	302.127.309	17.769.230	-	319.896.539
Đào Hồng Hạnh	Thành viên	-	17.769.230	-	17.769.230
Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên	-	19.269.230	-	19.269.230
Dư Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	-	18.230.770	-	18.230.770
Nguyễn Thị Diễm My	Thành viên	-	18.230.770	-	18.230.770
<i>Ban Kiểm soát</i>		-	90.000.000	-	90.000.000
Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng ban	-	34.800.000	-	34.800.000
Tạ Thị Hồng Thắm	Trưởng ban	-	13.976.923	-	13.976.923
Nguyễn Ái	Thành viên	-	13.623.077	-	13.623.077
Lâm Thanh Xuân	Thành viên	-	27.600.000	-	27.600.000
<i>Ban Điều hành</i>		721.510.115	-	-	721.510.115
Lê Hồng Chiến	Tổng Giám Đốc	420.060.038	-	-	420.060.038
Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	301.450.077	-	-	301.450.077
<b>Cộng</b>		<b>1.125.690.040</b>	<b>243.357.692</b>	<b>-</b>	<b>1.369.047.732</b>
<b>Năm trước</b>					
<i>Hội đồng quản trị</i>		78.099.115	209.833.333	-	287.932.448
Đoàn Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	-	34.640.740	-	34.640.740
Phạm Mạnh Bằng	Chủ tịch HĐQT	-	45.177.778	-	45.177.778
Nguyễn Đông Hải	Thành viên	-	23.585.185	-	23.585.185
Huỳnh Tăng Phúc Hậu	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	59.815.115	14.814.815	-	74.629.930
Dương Anh Tuấn	Thành viên	-	13.155.556	-	13.155.556
Lê Ngọc Hùng	Thành viên	-	13.155.556	-	13.155.556
Dương Thanh Phong	Thành viên	-	23.585.185	-	23.585.185
Đào Hồng Hạnh	Thành viên	-	1.659.259	-	1.659.259
Lê Xuân Khanh	Thành viên	18.284.000	1.659.259	-	19.943.259
Huỳnh Khánh Quốc Hùng	Thành viên	-	36.740.741	-	36.740.741
Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên	-	1.659.259	-	1.659.259
<i>Ban Kiểm soát</i>		122.907.769	92.400.000	-	215.307.769
Phạm Ngọc Hiếu	Trưởng ban	-	14.351.852	-	14.351.852
Võ Thị Lệ Huyền	Trưởng ban	-	22.848.148	-	22.848.148

Nguyễn Ái	Thành viên	-	10.648.148	-	10.648.148
Lâm Thanh Xuân	Thành viên	-	10.648.148	-	10.648.148
Mai Thanh Tol	Thành viên	-	16.951.852	-	16.951.852
Nguyễn Thị Hương Trinh	Thành viên	122.907.769	16.951.852	-	139.859.621
<i>Ban Điều hành</i>			872.615.832	-	872.615.832
Lê Hồng Chiến	Tổng Giám Đốc	429.195.808	-	-	429.195.808
Bùi Thị Hồng Thanh	P.TGD	175.763.259	-	-	175.763.259
Nguyễn Thị Lan Trà	Kế toán trưởng	307.119.923	-	-	307.119.923
<b>Cộng</b>		<u>1.113.085.874</u>	<u>302.233.333</u>	<u>-</u>	<u>1.415.319.207</u>

**4b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

- Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định	Cổ đông lớn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

<i>Chi tiết</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Dệt may Gia Định</i>		
Phải trả tiền hàng gia công	7.853.557.421	63.497.188.053
Trả tiền mua hàng	(14.055.513.144)	(54.957.258.857)
Thu tiền may gia công tủ vải	20.300.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Cam kết bảo lãnh*

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho



công ty (xem thuyết minh V.18).

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**5. Chi phí lãi vay vốn hoá**

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

**6. Báo cáo theo bộ phận**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

**6a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

<i>Chi tiết</i>	<b>Hoạt động bán hàng</b>	<b>Hoạt động gia công</b>	<b>Hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.101.183.314	25.206.606.133	2.727.573.829	31.035.363.276
Giá vốn hàng bán	2.704.789.862	53.269.584.649	348.930.421	56.323.304.932
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>396.393.452</b>	<b>(28.062.978.516)</b>	<b>2.378.643.408</b>	<b>(25.287.941.656)</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.345.869.737	115.545.001.471	2.848.514.867	128.739.386.075
Giá vốn hàng bán	8.825.991.060	112.275.648.451	405.426.827	121.507.066.338
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.519.878.677</b>	<b>3.269.353.020</b>	<b>2.443.088.040</b>	<b>7.232.319.737</b>

**6b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.



**7. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**8. Khả năng hoạt động liên tục**

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm lỗ với số tiền 62.744.062.684 VND, lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 133.317.299.907 VND, vốn chủ sở hữu âm với số tiền 45.709.025.770 VND. Tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 78.710.790.345 VND. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Công ty đảm bảo sẽ thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và không có kế hoạch giải thể trong năm sau. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 về việc miễn nhiệm toàn bộ thành viên HĐQT, BKS và bầu lại toàn bộ các thành viên HĐQT. Đồng thời thông qua mô hình cơ cấu tổ chức quản lý Công ty gồm ĐHĐCĐ, HĐQT (có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT), TGĐ, không có Ban kiểm soát. Theo Quyết định số 07/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 02 năm 2024 thì Hội đồng quản trị bầu Ông Nguyễn Hoàng Vũ làm Chủ tịch Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

**10. Những Thông tin khác**

Công ty ký hợp đồng thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm và được cấp các Quyền sử dụng đất sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BB971036, số vào sổ cấp GCN CT01981 cấp ngày 06/08/2010 theo Quyết định số 4416/QĐ-UBND ngày 01/10/2007 và Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 27/04/2009 của UBND TP.HCM.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA489864, số vào sổ cấp GCN CT04664 cấp ngày 10/12/2010 theo QĐ số 5344/QĐ-UBND ngày 24/11/2009 của UBND TP.HCM.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AC236582, số vào sổ cấp GCN T00203 cấp ngày 09/02/2006.

Công ty không sử dụng các Quyền sử dụng đất trên để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

**NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRINH**

Kế toán trưởng

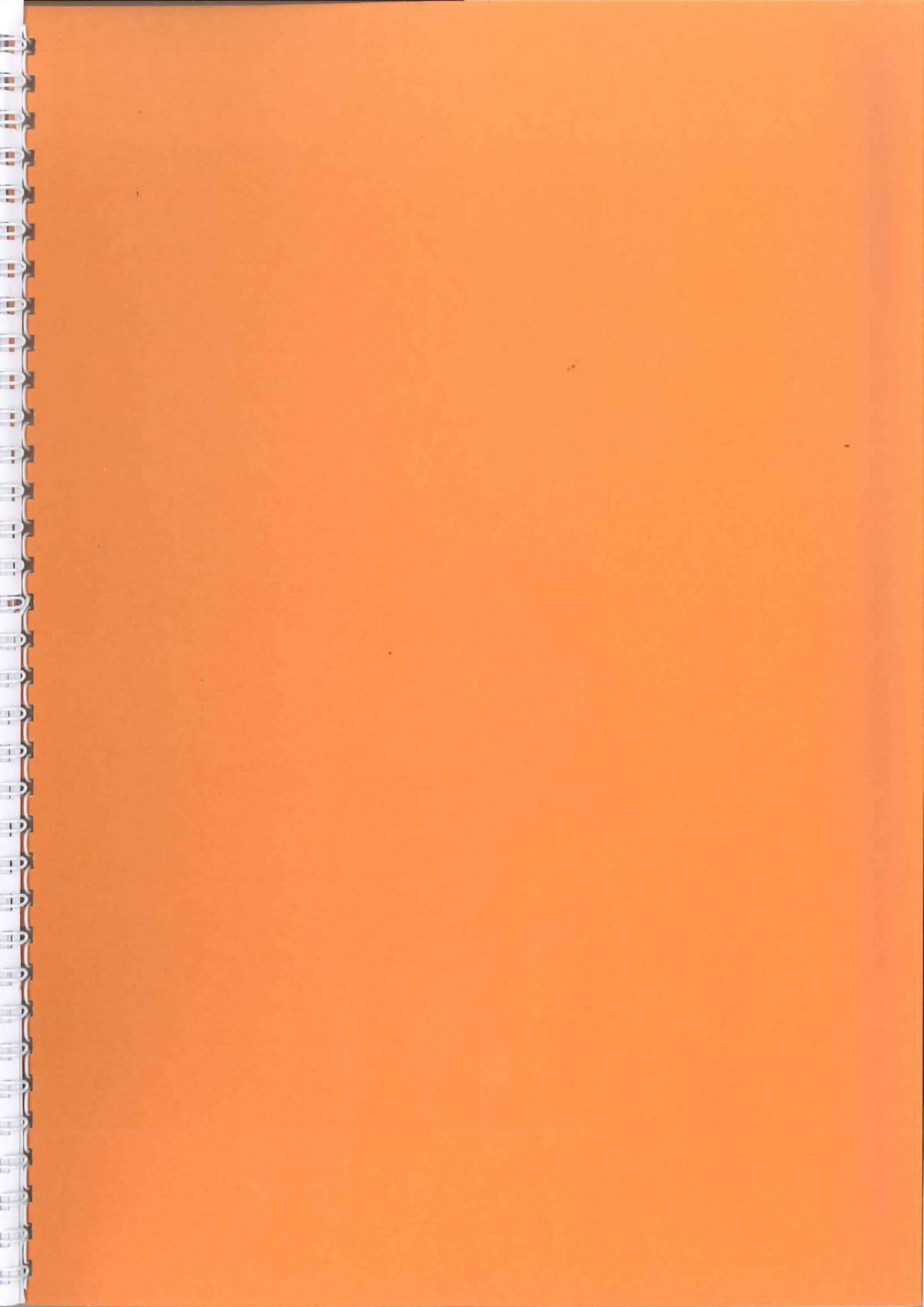
**NGUYỄN THỊ LAN TRÀ**

Tổng Giám đốc

**LÊ HỒNG CHIẾN**







Số: 38 /CV-LG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

V/v Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại  
trừ trong BCTC năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Lời đầu tiên, Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các Quý cơ quan đã quan tâm hỗ trợ Công ty thời gian qua.

Thực hiện theo công bố Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) tại trang 6 phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ có nêu: “Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục V.11, Công ty không phát sinh chi phí thực hiện dự án ngoài chi phí là tiền thuê đất lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 42.140.627.068 VND. Việc Công ty vốn hóa chi phí trong năm liên quan đến dự án trong thời gian tạm ngừng triển khai là chưa phù hợp với quy định hiện hành. Nếu công ty hạch toán đầy đủ chi phí và điều chỉnh chi phí đúng niên độ các khoản nêu trên sẽ ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác (nếu có) trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.”. Nay Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) xin giải trình ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính như sau:

Về việc thực hiện dự án tại địa chỉ số 106 đường 3/2, phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh thì Điều 10 Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ/NK3 ngày 28/12/2018 của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 quyết nghị như sau: “*Thống nhất chủ trương Công ty cổ phần Giày da và may mặc xuất khẩu (Legamex) tự triển khai dự án Trung Tâm Thời Trang Thương mại Dịch vụ cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 106 đường 3/2, phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Ủy quyền HĐQT quyết định phương án phát triển dự án...*”. Từ đó đến nay Công ty Legamex vẫn đang thực hiện theo chủ trương của ĐHĐCĐ nêu trên, dự án bị chậm triển khai do vướng mắc pháp lý về điều chỉnh quy hoạch, đã và đang được Công ty tiếp tục kiến nghị tháo gỡ. Các chi phí liên quan đến dự án bao gồm tiền thuê đất hàng năm đã được Công ty thực hiện vốn hóa từ năm 2017 đến năm 2023.

Trong giai đoạn năm 2020 – 2023, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid, tiếp theo sau đó là lạm phát và suy thoái kinh tế toàn cầu và tại Việt Nam đã tác động đến việc triển khai các thủ tục pháp lý dự án. Trong năm 2024, theo chủ trương trên của ĐHĐCĐ và được sự đồng ý của HĐQT thì Ban Điều hành Công ty Legamex đang thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan để tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhằm đủ điều kiện tiếp tục triển khai dự án trong thời gian tới.





Vi vậy Công ty Legamex xin báo cáo giải trình tới các Quý cơ quan nội dung nêu trên. Công ty Legamex cam kết luôn ý thức chấp hành nghiêm túc các Chuẩn mực Kế toán Việt nam và quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

**Đính kèm:**

+ NQ số 04/NQ-DHĐCD/NK3.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lê Hồng Chiến**



**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CP GIÀY DA VÀ MAY MẶC XUẤT KHẨU (LEGAMEX)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex);

Căn cứ Thông báo số 14/TB-HĐQT ngày 13/12/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban tổ chức, về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;

Căn cứ Biên bản số 04/BB-ĐHĐCĐ/NK3 ngày 28/12/2018 họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex),

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017; tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2018 của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex).

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo số 04/BC-HĐQT ngày 10/11/2018 của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2017; tình hình hoạt động 10 tháng đầu năm và kế hoạch hoạt động 2 tháng cuối năm 2018.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo ngày 13/12/2018 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2015 đến 31/12/2015.

**Điều 5.** Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2016 đến 31/7/2016.

**Điều 6.** Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2016 đến 31/12/2016.

**Điều 7.** Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán từ 01/01/2017 đến 31/12/2017.





**Điều 8. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018**

1. Phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo Tờ trình ngày 12/12/2018 của Ban kiểm soát, gồm có:

- 1.1. Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam (E & Y);
- 1.2. Công ty TNHH PRICEWATERHOUSE COOPERS Việt Nam (PWC);
- 1.3. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính, Kế toán, Kiểm toán (AASC);
- 1.4. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

2. Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách tại Khoản 1 Điều này để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex).

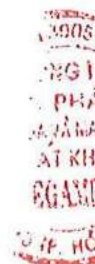
**Điều 9. Về thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

1. Phê duyệt thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện năm 2017 là 292.800.000 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu, tám trăm ngàn đồng), cụ thể:

STT	Chức danh	Số lượng	Mức thù lao (đồng/người/tháng)	Tổng thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	1	3.200.000	37.540.741
2	Thành viên HĐQT	6	2.400.000	173.659.259
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	2.800.000	33,600,000
4	Kiểm soát viên	2	2.000.000	48.000.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>292.800.000</b>

2. Thông qua Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018 giữ nguyên mức như năm 2017, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 3.200.000 đồng/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 2.400.000 đồng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 2.800.000 đồng/tháng
- Kiểm soát viên: 2.000.000 đồng/tháng



**Điều 10. Về phương án phát triển Dự án Lega Fashion Lega tại số 106, đường 3 tháng 2, phường 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh.**

1. Thống nhất chủ trương Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) tự triển khai Dự án Trung tâm Thời trang Thương mại Dịch vụ Cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 106, đường 3 tháng 2, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định phương án phát triển Dự án trong đó Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) tự triển khai Dự án theo Tờ trình số 199/TTr-TGD ngày 28/9/2018 của Tổng giám đốc.

**Điều 11.** Thống nhất miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) cho thời hạn còn lại của nhiệm kỳ III (2016 – 2020) đối với ông Trần Cửu Long theo Đơn từ nhiệm.

**Điều 12.** Thông qua toàn văn Điều lệ mới thay thế Điều lệ Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) ngày 29/4/2014 và giao Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ban hành theo quy định.

**Điều 13.** Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Giày da và May mặc xuất khẩu (Legamex) và giao Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ban hành theo quy định.

**Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua với tỷ lệ tán thành 82,95% số phiếu biểu quyết của cổ đông có mặt dự họp và có hiệu lực kể từ 15 giờ 00 phút ngày 28 tháng 12 năm 2018.

2. Đại hội thống nhất giao cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm công bố thông tin, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này; Giao Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả cho Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

- + UBCK Nhà nước (thay báo cáo);
- + Sở GDCK Hà Nội (thay báo cáo);
- + HĐQT; BKS; TGD Công ty Legamex;
- + Cổ đông (CBTT trên website);
- + Lưu: VT, Thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

  
**Đoàn Văn Sơn  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

